

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **08** tháng **9** năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá số 145/BQLCCĐK ngày 28/05/2025, số 71/BQLCCĐK ngày 27/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 263/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá, địa chỉ tại tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Nhật Lệ, tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Nhật Lệ, tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3101143105.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ hậu cần nghề cá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Tổng diện tích: 26,508 ha, trong đó:

+ Diện tích khu neo đậu tránh trú bão: 21,823ha.

+ Diện tích cảng cá: 4,685ha.

- Quy mô công suất:

+ Công suất của khu neo đậu tránh trú bão 270 tàu.

+ Công suất neo đậu của cảng cá là 80 tàu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đồng Hới và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Đồng Hới;
- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **28** /GPMT-UBND
ngày **08** tháng **9** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ, nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong dự án.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà tiếp nhận thủy hải sản của dự án.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh khu tiếp nhận thủy hải sản của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Nhật Lệ thuộc tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tổ dân phố Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰): X(m) = 1927707,2; Y(m) = 568155,9.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 115m³/ngày đêm; tương đương 4,79m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn theo đường ống nhựa PVC D140 dẫn ra Sông Nhật Lệ. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải.

Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/ BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6 - 9		

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤60		
3	COD	mg/l	≤90		
4	TSS	mg/l	≤80		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤10		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤40		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤6		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml hoặc CFU/100ml	≤5000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤30		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤5,0		
12	Clo dư	mg/l	≤2,0		
13	Chloroform	mg/l	≤0,8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

** Đối với nước thải sinh hoạt*

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ, nhân viên:

+ Nước thải xám: Được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D110 sau đó theo đường ống nhựa uPVC D250 dẫn về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Nước thải đen: Được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó theo đường ống nhựa uPVC D110 và đấu nối với đường ống nhựa uPVC D250 dẫn về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Dự án đã bố trí 02 bể tự hoại 3 ngăn, với thể tích 10m³/bể.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong dự án.

+ Nước thải xám được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D110, sau đó theo đường ống nhựa uPVC D250 dẫn về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Nước thải đen được thu gom xử lý qua bể tự hoại sau đó theo đường ống nhựa uPVC D110, đầu nối với đường ống nhựa uPVC D250 dẫn về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

** Đối với nước thải sản xuất*

+ Đối với nước thải sản xuất của khu vực tiếp nhận hải sản được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D250 về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

+ Đối với nước thải sản xuất của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D250 sau đó dẫn về bể chứa 3 ngăn trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể chứa 3 ngăn → Bể tách mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga → Nước mặt Sông Nhật Lệ.

+ Công suất thiết kế: 100m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Giá thể di động, Javel.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể chứa 3 ngăn → Ngăn điều hòa → Ngăn kỵ khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn ổn định nước → Ngăn khử trùng → Hồ ga → Nước mặt Sông Nhật Lệ.

+ Công suất thiết kế: 15m³/ngày đêm

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Giá thể di động, Javel.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 3/2026 đến tháng 6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2. Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào:

Tại bể 3 ngăn trước khi dẫn vào 2 hệ thống xử lý nước thải tập trung (Hệ thống xử lý tập trung số 01 và hệ thống xử lý nước thải tập số 02). Tọa độ theo hệ VN2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰: X(m) = 1927813,1; Y(m) = 568352,8.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra:

+ Nước thải đầu ra: Tại đầu ra của ống uPVC D140 của HTXLNT tập trung số 01 (công suất 100m³/ngày); Tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰: X(m) = 1927813,3; Y(m) = 568344,7.

+ Nước thải đầu ra: Tại đầu ra của ống uPVC D140 của HTXLNT tập trung số 02 (công suất 15m³/ngày); Tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰: X(m) = 1927814,0; Y(m) = 568337,4.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ dự án phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Đồng Hới và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **28** /GPMT-UBND

ngày **08** tháng **9** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ thiết bị hệ thống xử lý nước thải, máy móc liên quan nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.
2. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
3. Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.
4. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành (Kể từ ngày 01/01/2027 áp dụng theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **28** /GPMT-UBND
ngày **08** tháng **9** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
	Tổng khối lượng		13

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in	08 02 04	2
2	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	13
3	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	15
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
	Tổng khối lượng		60

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.2. Khối lượng chất thải thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 550 tấn/năm.
- Chất thải công nghiệp thông thường khoảng 0,1 tấn/năm.
- Bùn thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Trang bị các thùng nhựa loại 120 lít có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường, nền bê tông và mái bằng tôn, có dán biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm.

- Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Trang bị các thùng nhựa loại 120 lít có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải rắn thông thường.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Tường, nền bê tông và mái bằng tôn, có dán biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

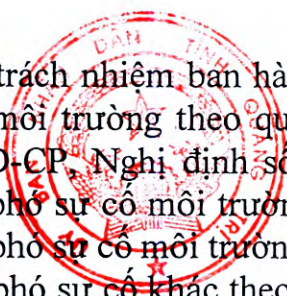
- Đối với bùn thải của hệ thống xử lý nước thải: Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.



4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **28** /GPMT-UBND
ngày **08** tháng **9** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
3. Nước thải được quản lý để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải; trong quá trình sử dụng máy phát điện dự phòng phải đảm bảo thông thoáng khí, tránh ô nhiễm khí thải cục bộ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành.
5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan.
7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1 và 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do chủ Dự án cung cấp; chủ Dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.